

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2022/HSST
Ngày 31-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò
2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế V - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2021/HSST ngày 22/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Cao Mạnh H, sinh năm 1982, tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: khu Q, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn T, sinh năm 1955 và bà Chu Thị P, sinh năm 1957; Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, Bị cáo có 02 con.

Tiền sự: Không

Tiền án:

+ Bản án số 35/2019/HSST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, phạt Cao Mạnh H 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” và phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, chưa chấp hành tiền phạt 25.000.000 đồng.

+ Bản án số 25/2021/HSST ngày 24/3/2021 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, phạt Cao Mạnh H 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án và chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, chưa chấp hành nộp án phí. Ngày 25/5/2021 Cao Mạnh H được hoãn chấp hành án phạt tù với thời hạn 06 tháng.

(Danh chỉ bản số 209 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 17/9/2021)

Ngày 03/9/2021 Cao Mạnh H đi chấp hành án tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1980, tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: khu 7 (nay là khu G), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1936 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1941; Vợ là Đỗ Thị B, sinh năm 1983, Bị cáo có 02 con.

Tiền án , Tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 65/2013/HSST ngày 27/9/2013 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, phạt Nguyễn Văn S 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” và chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Nguyễn Văn S chấp hành xong toàn bộ bản án vào ngày 20/12/2013.

(Danh chỉ bản số 166 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 25/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

3. Nguyễn Minh Ph, sinh năm 1992, tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: khu Ô , xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960 và bà Cao Thị V, sinh năm 1963; Vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1996. Bị cáo có 02 con.

Tiền án , Tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 40/2013/HSST ngày 10/7/2013 của Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, phạt Nguyễn Minh Ph 15 tháng tù (được trừ 02 tháng) còn phải chấp hành 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (số tiền chiếm đoạt là 30.000.000 đồng) án phí 200.000 đồng (đã nộp xong vào ngày 03/10/2013). Nguyễn Minh Ph đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

(Danh chỉ bản số 168 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 25/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

4. Hoàng Văn V, sinh năm 1970, tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: khu Ô, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1926 (đã chết) và bà Hà Thị C, sinh năm 1926 (đã chết); Vợ là Hoàng Thị O, sinh năm 1978. Bị cáo có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: Không

(Danh chỉ bản số 159 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 23/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

5. Nguyễn Văn N, sinh năm 1986, tại xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; Vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1993 (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 48/2015/HSST ngày 21/8/2015 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, phạt Nguyễn Văn N 07 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Còn L phải chấp hành 06 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” và phạt bổ sung 4.000.000 đồng, chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Nguyễn Văn N đã thi hành xong án phí vào ngày 21/5/2015, tiền phạt bổ sung đã được miễn theo Quyết định số 42/2016 ngày 16/12/2016 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê và được đình chỉ thi hành án theo Quyết định số 28/2017 ngày 10/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Danh chỉ bản số 208 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 17/9/2021)

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại tại xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

6. Nguyễn Văn P, sinh năm 1972, tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: khu H 2, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Giới tính: Nam; Quốc

tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn P L, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1939; Vợ là Hoàng Thị C, sinh năm 1972. Bị cáo có 05 con.

Tiền sự: Không

Tiền án: 01 tiền án - Bản án số 38/2020/HSST ngày 08/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phạt Nguyễn Văn P 23.000.000 đồng, về tội “Đánh bạc”, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Nguyễn Văn P đã chấp hành xong án phí, tiền phạt vào ngày 12/7/2021.

(Danh chỉ bản số 210 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 17/9/2021)

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

7. Đào Viết Ch (tên gọi khác Đào Viết Tr), sinh năm 1983, tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Viết L, sinh năm 1956 và bà Lã Thị C, sinh năm 1959; Vợ là Hoàng Thị M, sinh năm 1991. Bị cáo có 02 con.

Tiền sự; Tiền án: Không

Nhân thân: Bản án số 38/2006/HSST ngày 24/4/2006 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, phạt Đào Viết Ch 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “ Trộm cắp tài sản” (trị giá 1.850.000 đồng) và chịu án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng (đã nộp vào ngày 12/6/2006). Đào Viết Ch đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

(Danh chỉ bản số 163 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (Có mặt).

8. Tăng Văn Ph, sinh năm 1986, tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: khu 7, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tăng Văn Huỳnh, sinh năm 1962 và bà Bùi Thị Vân, sinh năm 1962; Vợ là V Thị Ngọc Ánh, sinh năm 1997. Bị cáo có 01 con.

Tiền án, Tiền sự: không

(Danh chỉ bản số 164 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Có mặt).

9. Nguyễn Thị G, sinh năm 1982, tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: tại khu 7 (nay là khu G), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1936 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1941; Chồng là Nguyễn Văn L, sinh năm 1979 đã ly hôn. Bị cáo có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: không

(Danh chỉ bản số 165 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 25/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

10. Nguyễn Văn T, sinh năm 1997, tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: tại khu 4 (nay là khu P), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1973; Vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 2002. Bị cáo có 01 con.

Tiền án, Tiền sự: không

(Danh chỉ bản số 161 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 25/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

11. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979, tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: tại khu 8 (nay là khu L), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959; Vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1981. Bị cáo có 04 con.

Tiền án, Tiền sự: không

(Danh chỉ bản số 158 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

12. Nguyễn Văn N, sinh năm 1988, tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: tại khu 6 (nay là khu D), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1953 và bà Lê Thị K, sinh năm 1955; Vợ Phạm Thị H, sinh năm 1992. Bị cáo có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: không

Nhân thân: Bản án số 24/2013/HSST ngày 09/4/2013 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, phạt Nguyễn Văn N 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ được quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Còn L phải chấp hành 09 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, về tội: Đánh bạc, và chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (đã nộp vào ngày 28/6/2013) đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

(Danh chỉ bản số 160 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

13. Nguyễn Thị X, sinh năm 1982, tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: tại khu 7 (nay là khu G), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1942 và bà Lê Thị T, sinh năm 1944; Chồng Tống Văn T, sinh năm 1980. Bị cáo có 04 con.

Tiền án, Tiền sự: không

(Danh chỉ bản số 162 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tại ngoại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

14. Hoàng Thị L, sinh năm 1974, tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: tại khu 8 (nay là khu L), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn X (đã chết) và bà Đinh Thị S (đã chết); Chồng Nguyễn Tiến T, sinh năm 1970. Bị cáo có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: không

(Danh chỉ bản số 167 do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 25/6/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/6/2012 đến ngày 25/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tại ngoại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền tiêu sài và do quen biết nhiều đối tượng đánh bạc nên Cao Mạnh H đã nảy sinh ý định mở sới đánh bạc xóc đĩa để thu tiền phé. Khoảng từ giữa tháng 6/2021, Cao Mạnh H, trú tại khu Q, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã liên lạc với một số con bạc để thông báo việc mở sới bạc và hẹn các con bạc tham gia chơi dợt ở các địa điểm H cho xe đón đưa vào sới bạc. Để tổ chức ra sới bạc, H thỏa thuận thuê Nguyễn Văn S, trú tại xã T, huyện C; Hoàng Văn V và Nguyễn Minh Ph đều trú tại khu Ô, xã V, huyện C để làm nhiệm vụ canh giới, canh gác cho các con bạc đánh bạc trong sới bạc của H. Ngoài ra, trước giờ sới bạc hoạt động thì S, V được H phân công nhiệm vụ mang bạt đến địa điểm H đã chọn để tổ chức đánh bạc dãi sẵn ra nền đất. H thỏa thuận sẽ trả công cho S, V, Ph là 500.000đ/1 canh bạc (1 canh bạc quy định là 2 tiếng) S, V, Ph đều đồng ý canh gác, canh giới cho H. Cao Mạnh H tự chuẩn bị công cụ để phục vụ đánh bạc gồm: bát, đĩa, bộ bài chắn, bộ đục quân vị bằng gỗ, bảng vị, bạt. H lựa chọn vị trí tổ chức đánh bạc là đồi cây thuộc khu Đ, xã C, huyện C, do có đường đi khó khăn, địa hình đồi núi, vắng người qua L, để làm địa điểm tổ chức đánh bạc. Trưa ngày 17/6/2021, H liên hệ với anh Đặng Văn V để thuê anh V đi đón các con bạc tại các địa điểm đã định sẵn, nhưng H không nói cho anh V biết là đi đón các con bạc mà chỉ bảo anh V đi đón người chở đến khu đồi cây thuộc xã C cho H. Khoảng hơn 12 giờ ngày 17/6/2021, Nguyễn Văn S và Hoàng Văn V mang bạt đến dãi ra nền đất vị trí đã được H chọn trước, ở đồi cây thuộc xã C, huyện C. Sau đó, S, V, theo vị trí được H phân công đứng làm nhiệm vụ canh giới, canh gác. Nguyễn Minh Ph đi đón và đưa H vào sới bạc sau đó ra vị trí canh giới mà H đã phân công. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi các đối tượng đánh bạc đã có mặt đầy đủ và ổn định thì H dùng bộ đục quân vị, đục 04 quân vị hình tròn từ lá bài chắn một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng, đen, lấy bát đĩa và bảng vị để ra giữa bạt để tổ chức cho mọi người đánh bạc. Lúc này Nguyễn Văn N, trú tại khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ cầm bát, đĩa xóc cái để mọi người cùng chơi. Khi mọi người chơi được khoảng 4 - 5 ván bạc thì H thu tiền phé của người chơi là 500.000đ/ 1 con bạc/ 1 canh bạc 2 tiếng, do có một số người chưa chơi nên H chỉ thu được của 7 người đã thả tiền tham gia đánh bạc; H không tham gia đánh bạc mà chỉ đứng quản lý sới bạc. Đến khoảng 15 giờ 30

phút, khi các đối tượng đang tổ chức cho nhiều con bạc đánh bạc sát phạt nhau dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì Phòng Cảnh sát hình sự- Công an tỉnh Phú Thọ phát hiện bắt quả tang, bắt giữ 12 đối tượng có mặt tại sới bạc gồm: Đào Việt Ch (Tr), Tăng Văn Ph, V Việt T, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị X, Hoàng Thị L, Nguyễn Văn S, Hoàng Văn V, Nguyễn Minh Ph. Còn Cao Mạnh H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn P bỏ trốn sau đó ra đầu thú; H giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen gắn số sim 0984.382.567.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu tại chiếu bạc gồm: 22.000.000 đồng, 01 bộ bát đĩa, 04 quân vị hình tròn, 01 đục quân vị bằng gỗ, 01 bảng vị và một tấm bạt, 01 tH nhựa.

- Kiểm tra trên người các đối tượng đánh bạc tạm thu giữ số tiền là: 10.400.000đ và 03 điện thoại di động của Nguyễn Văn S, Hoàng Văn V, Nguyễn Minh Ph.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Cao Mạnh H nhưng không thu giữ gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ đã chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

Đối với Cao Mạnh H là người đứng ra mở sới bạc với mục đích thu tiền “phế” của các con bạc nhằm mục đích hưởng lợi, H tự chuẩn bị công cụ phương tiện, lựa chọn địa điểm, phân công nhiệm vụ, vị trí canh giới cụ thể cho S, V và Ph để tổ chức mở sới đánh bạc, H không phân công ai sóc cái mà trong sới bạc ai tự sóc cái cũng được. Quá trình tổ chức sới bạc cho các đối tượng đánh bạc, H đã thu tiền phế là 3.500.000 đồng, bản thân H không tham gia đặt tiền đánh bạc. Khi sới bạc bị phát hiện và bị bắt, H đã bỏ trốn, sau đó đã ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm (H chưa nộp L số tiền thu phế 3.500.000 đồng).

Đối với Nguyễn Văn S, Hoàng Văn V, Nguyễn Minh Ph là những người được H thuê làm nhiệm vụ canh giới cho sới bạc, khi phát hiện lực lượng Công an thì liên lạc để H giải tán trong sới bạc, thoả thuận trả tiền công là 500.000đ/01 lần canh gác. Ngoài ra, theo sự phân công thì S, V đã mang Bạt đến trải tại vị trí H đã chọn để tổ chức đánh bạc. Sau đó S, V, Ph đến vị trí được H phân công làm nhiệm vụ canh giới. Khi các bị cáo đang đứng canh giới theo sự phân công của H cho các đối tượng đánh bạc thì bị bắt giữ. Kiểm tra trên người S thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen, gắn sim số 0962.986.731; Thu giữ của V 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, gắn sim số

0362453343; Thu giữ của Ph 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu vàng gắn sim số 0983.263.751. Nguyễn Văn S, Hoàng Văn V, Nguyễn Minh Ph không tham ra đánh bạc và chưa được H trả công cảnh giới.

Đối với Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn P, Đào Viết Ch, Tăng Văn Ph, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị X, Hoàng Thị L đều là các con bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc cả cửa chắn và lẻ tại sới bạc, các bị cáo khai nhận cụ thể: Chiều ngày 17/6/2021 Nguyễn Văn N mang theo 1.500.000 đồng để sử dụng đánh bạc, nộp tiền phé cho H 500.000 đồng, N là người trực tiếp cầm bát, đĩa xóc cái cho mọi người chơi. Bản thân N cũng thả tiền để đánh bạc nhiều ván với số tiền đặt cược từ 100.000đồng đến 300.000đồng/ván và thua hết. Khi lực lượng Công an phát hiện bắt giữ N đã bỏ chạy được. Ngày 15/7/2021, N đến cơ quan điều tra xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm; Nguyễn Văn P mang theo 1.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc, nộp tiền phé cho H 500.000 đồng, ngồi đánh bạc đặt tiền nhiều ván bạc với số tiền đặt cược từ 100.000 đồng đến 300.000đồng (Trong quá trình chơi, P còn cầm bát xóc cái thay cho N). Khi lực lượng Công an phát hiện bắt giữ, P đã bỏ chạy và vứt tiền ở dưới Bạt, nên không biết thắng hay thua. Ngày 15/7/2021, P đã đến cơ quan điều tra xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm; Đào Viết Ch mang theo 22.000.000 đồng, nộp phé 500.000đồng cho H, ngồi cửa lẻ để đánh nhiều ván bạc cả chắn và lẻ với số tiền đặt cược từ 1.000.000đồng đến 2.000.000đồng và thua hết. Khi bị bắt kiểm tra trên người không phát hiện và thu giữ gì; Tăng Văn Ph mang theo 5.000.000đồng, nộp phé 500.000đồng cho H, ngồi cửa chắn để đánh nhiều ván bạc cả chắn và lẻ với số tiền đặt cược từ 500.000đồng đến 1.000.000đồng và thua hết. Khi bị bắt kiểm tra trên người không phát hiện thu giữ gì; Nguyễn Thị G mang theo 1.800.000đồng, đứng ở cửa chắn để đánh nhiều ván bạc cả chắn và lẻ với số tiền đặt cược từ 100.000đồng đến 200.000đồng (chưa phải nộp tiền phé do chưa tham gia chơi từ đầu). Khi bị bắt kiểm tra thu giữ trên người số tiền là 1.500.000 đồng là tiền đang dùng để đánh bạc; Nguyễn Văn N, khi đến sới bạc không mang theo tiền, được Nguyễn Văn T1 trả cho 5.000.000 đồng tiền T1 vay từ trước, N dùng số tiền này để đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc, N ngồi ở cửa lẻ để đánh nhiều ván bạc cả chắn và lẻ với số tiền đặt cược từ 200.000đồng đến 800.000đồng và thua hết (chưa nộp tiền phé cho H do lúc đầu mới vào chưa có tiền đặt cược). Khi bị bắt kiểm tra trên người không phát hiện thu giữ gì; Nguyễn Văn T mang theo 1.000.000 đồng, nộp 500.000đồng tiền phé cho H, ngồi cửa lẻ để đánh nhiều ván bạc cả chắn và lẻ với số tiền đặt cược từ 200.000đồng đến 300.000đồng. Khi bị bắt kiểm tra trên người phát hiện thu giữ 2.100.000 đồng là tiền đang dùng đánh bạc; Nguyễn Văn T1 mang theo

1.600.000 đồng. Quá trình đánh bạc thắng, do trước đó có vay tiền của N nên T1 đã lấy 5.000.000 đồng trả cho N và để L một phần tiếp tục sử dụng đánh bạc, T1 nộp tiền phé cho H 500.000đồng, ngồi cửa lẻ để đánh nhiều ván bạc cả chẵn và lẻ với số tiền đặt cược từ 200.000đồng đến 300.000đồng. Khi bị bắt kiểm tra trên người không phát hiện thu giữ gì do đã bị thua hết; Nguyễn Thị X mang theo 5.000.000 đồng, nộp tiền phé cho H 500.000đồng và đứng ở cửa chẵn để đánh nhiều ván bạc cả chẵn và lẻ với số tiền đặt cược từ 100.000đồng đến 200.000đồng và thua. Khi bị bắt kiểm tra trên người thu giữ số tiền 4.800.000 đồng là tiền đang dùng để đánh bạc; Hoàng Thị L mang theo 2.000.000 đồng và đứng ở phía cuối cửa lẻ để đánh nhiều ván bạc cả chẵn và lẻ với số tiền đặt cược từ 200.000đồng đến 300.000đồng và hòa, chưa phải nộp tiền cho H do ban đầu vào chưa tham gia chơi. Khi bị bắt kiểm tra trên người phát hiện thu giữ 2.000.000 đồng là tiền đang sử dụng để đánh bạc.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm như đã nêu trên; lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ; phù hợp với tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra đã thu thập.

Cáo trạng số 56/2021/CT-VKS- HS ngày 20/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Cao Mạnh H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Phú, Đào Viết Ch, Tăng Văn Ph, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị X, Hoàng Thị L, phạm tội “Đánh bạc”.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cao Mạnh H.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph và Hoàng Văn V.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N và Đào Viết Ch, Nguyễn Văn N.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hoàng Thị L.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Tăng Văn Ph và Nguyễn Thị X.

- Tuyên bố các bị cáo Cao Mạnh H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V, phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn P, Đào Viết Tr, Tăng Văn Ph, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị X, Hoàng Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Cao Mạnh H 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp với phần hình phạt của bản án số 25/2021/HSST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là 06 tháng tù. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án của bản án trước là ngày 03/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph mỗi bị cáo 20 (Hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 40 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã Sơn Tình, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Đào Viết Ch 24 (hai bốn) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021), quy đổi bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo. Còn L bị cáo phải chấp hành 23 (hai mươi ba) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021), quy

đổi bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo. Còn L bị cáo phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Tăng Văn Ph 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021), quy đổi bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo. Còn L bị cáo phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo sinh sống, giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G, Hoàng Thị L mỗi bị cáo 22.000.000đ (Hai mươi hai) triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo 20.000.000 đ (Hai mươi) triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đào Viết Ch, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn N, Tăng Văn Ph, Nguyễn Thị X.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với các bị cáo Đào Viết Ch, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn N, Tăng Văn Ph, Nguyễn Thị X mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Cao Mạnh H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V, Hoàng Thị L, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu số tiền 32.400.000đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách nhà nước. Truy thu để tịch thu số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Cao Mạnh H để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu của Nguyễn Minh Ph 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX màu vàng đã qua sử dụng, có số IMEI: 353099103497405 và của Hoàng Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1: 869868050916592; Tịch thu của Nguyễn Văn S 01 điện thoại NOKIA

1280 màu đen đã qua sử dụng có số seri 35875222352981; Tịch thu 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng có số seri 1: 35875222352981, số seri 2: 354986522446071 của Cao Mạnh H.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 bát sứ màu trắng bên ngoài dán giấy màu nâu, 04 quân vị hình tròn một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng, 01 bảng vị, 01 bộ đột quân vị bằng gỗ; 01 tH nhựa màu trắng đỏ, 01 tấm bạt một mặt màu xanh, một mặt màu cam; Tịch thu tiêu huỷ sim số điện thoại di động 0983263751 của Nguyễn Minh Ph, sim số 0362453343 của Hoàng Văn V; 01 thẻ sim có số 0962986731 của Nguyễn Văn S và 01 thẻ sim số 0984382567 của Cao Mạnh H.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo: Cao Mạnh H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn P, Đào Viết Ch, Tăng Văn Ph, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị X, Hoàng Thị L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với anh V Việt Thắng, anh Đặng Văn V, quá trình điều tra đã xác minh làm rõ việc anh Thắng, anh V không tham ra đánh bạc, không liên quan đến tổ chức sới bạc, không bị thu giữ tài sản gì, không phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án về thời gian, diễn biến nội dung sự việc, có căn cứ kết luận: Ngày 17/6/2021, tại khu đồi cây, thuộc Khu Đồng Sáu, xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, Cao Mạnh H là người đứng ra tổ chức sới bạc để thu tiền phé và tìm địa điểm tổ chức đánh bạc, chuẩn bị công cụ phục vụ đánh bạc gồm: 01 bộ bát đĩa, 04 quân vị hình tròn, 01 bảng vị, 01 Bạt, 01 bộ đục quân vị bằng gỗ và thuê xe ô tô để đưa đón các con bạc. Đồng thời H còn phân công giao nhiệm vụ cho Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V làm nhiệm vụ cảnh giới cho sới bạc. H và những người cảnh giới thỏa thuận trả tiền công là 500.000 đồng/lần/người (nhưng H chưa trả tiền cho ai). H thu tiền phé mỗi người vào chơi là 500.000 đồng, nhưng H mới thu phé của 07 người đã thả tiền tham gia đánh bạc với tổng số tiền 3.500.000 đồng.

Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”, trong đó hành vi của Cao Mạnh H vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự, hành vi của Ph, S, V đã vi phạm quy định điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

a. Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

c. Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;

2. Phạm tội một trong các Tr hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a....

d. Tái phạm nguy hiểm...”

* Các bị cáo Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Văn N, Tăng Văn Ph, Đào Viết Tr, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị X, Hoàng Thị L đều là các con bạc trực tiếp tham gia đánh nhiều ván bạc chẵn và lẻ tại sới bạc. Đến 15 giờ 30 phút ngày 17/6/2021 thì bị Phòng cảnh sát hình sự công an tỉnh Phú Thọ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ dụng cụ đánh bạc dưới hình thức sóc đĩa và số tiền 22.000.000 đồng trên chiếu bạc và thu trên người các con bạc số tiền là 10.400.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 32.400.000 đồng. Hành vi và số tiền các bị cáo đánh bạc đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do vậy bản cáo trạng số 56/2021/CT-VKS- HS ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Cao Mạnh H theo điểm d khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo S, Ph, V theo điểm a,c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn P, Đào Viết Ch, Tăng Văn Ph, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị X, Hoàng Thị L theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.

[3]. Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc sát phạt nhau được thua bằng tiền là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Tuy nhiên đây là vụ án tổ chức đánh bạc và đánh bạc đồng phạm mang tính chất giản đơn, tính chất của hành vi phạm tội là từ rất nghiêm trọng, nghiêm trọng và ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị trên địa bàn, ảnh hưởng đến môi Tr và cuộc sống lành mạnh trong dân cư, dư luận xã hội bất bình, lên án, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải.

4.1. Trong vụ án này Cao Mạnh H là người giữ vai trò chính đã tổ chức cho 10 người đánh bạc, bản thân H có 02 tiền án nhưng chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này H phải chịu tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự. H được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt cần xem xét để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Thấy rằng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 25/2021/HSST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

4. 2. Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V là đồng phạm với vai trò giúp S để thực hiện nhiệm vụ cảnh giới cho H cùng thực hiện hành vi “Tổ chức đánh bạc”, đây là hành vi đồng phạm giản đơn. Bản thân bị cáo S đã có 01 nhân thân tại bản án số 65/2013/HSST ngày 27/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Minh Ph có 01 nhân thân tại bản án số 40/2013/HSST ngày 10/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 26 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xét thấy bị cáo S, V đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích từ lâu. Các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo mà không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

4.3. Hoàng Văn V là đồng phạm giúp S cho H cùng thực hiện hành vi phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Lần phạm tội này bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo lần đầu phạm tội, có nơi ở ổn định nên khi quyết định hình phạt cần xem xét để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo là hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo mà không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

4.4. Nguyễn Văn Phú: Đã có 01 tiền án tại bản án số 38/2020/HSST ngày 09/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xử phạt 23.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo còn phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ

luật hình sự. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

4.5. Nguyễn Văn N, Đào Việt Ch (Tr), Nguyễn Văn N: Bị cáo N đã có 01 nhân thân tại bản án số 48/2015/HSST ngày 21/8/2015 bị Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xử phạt 07 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo Ch đã có 01 nhân thân tại bản án số 38/2006/HSST ngày 24/4/2006, bị Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Bị cáo N đã có 01 nhân thân tại bản án số 24/2013/HSST ngày 09/4/2013, bị Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xử phạt 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích từ lâu. Lần phạm tội này các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần cho các bị cáo cải tạo tại địa phương không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

4.6. Bị cáo Tăng Văn Ph, Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị G, Hoàng Thị L: Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo đều có nơi ở rõ ràng. Thấy không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Ph, X, áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo T, T1, G, L, mức hình phạt tương ứng với số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội.

Đối với anh V Việt Thắng, anh Đặng Văn V, quá trình điều tra đã xác minh làm rõ anh Thắng, anh V không tham gia đánh bạc, không liên quan đến tổ chức sới bạc, không bị thu giữ tài sản gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000đồng*”.

Khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Căn cứ vào tình hình tài sản và thu nhập thực tế của các bị cáo: Xét thấy cần phải phạt bổ sung đối với các bị cáo Đào Viết Ch (Tr), Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn N, Tăng Văn Ph, Nguyễn Thị X mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Cao Mạnh H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V, Hoàng Thị L, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Phú.

[6]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy các vật chứng gồm:

- Các vật là 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 bát sứ màu trắng bên ngoài dán giấy màu nâu, 04 quân vị hình tròn một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng, 01 bảng vị, 01 bộ đột quân vị bằng gỗ; 01 tH nhựa màu trắng đỏ, 01 tấm bạt một mặt màu xanh, một mặt màu cam. Đây là vật mà các bị cáo sử dụng để làm công cụ phương tiện để đánh bạc nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với thẻ sim điện thoại di động 0983263751 của Nguyễn Minh Ph, sim số 0362453343 của Hoàng Văn V; 01 thẻ sim có số 0962986731 của Nguyễn Văn S và 01 thẻ sim số 0984382567 của Cao Mạnh H. Đây là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Tịch thu của Nguyễn Minh Ph 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX màu vàng đã qua sử dụng, có số IMEI: 353099103497405 và của Hoàng Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 869868050916592; Tịch thu của Nguyễn Văn S 01 điện thoại NOKIA 1280 màu đen đã qua sử dụng có số seri 35875222352981; Tịch thu 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng có số seri 1: 35875222352981, số seri 2: 354986522446071 của Cao Mạnh H. Đây là vật các bị cáo sử dụng làm phương tiện để liên lạc trong khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 3.500.000 đồng. Đây là khoản tiền bị cáo H hưởng lợi từ việc thu phé của các bị cáo nên cần truy thu để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 32.400.000 đồng, thu tại chiếu bạc và trên người các con bạc sử dụng đánh bạc. Đây là khoản tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cao Mạnh H.

- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N; Đào Viết Ch, Nguyễn Văn N.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tăng Văn Ph, Nguyễn Thị X.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Hoàng Thị L.

[2]. Tuyên bố các bị cáo: Cao Mạnh H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Phú, Đào Viết Ch, Tăng Văn Ph, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị X, Hoàng Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Cao Mạnh H 06 năm tù, tổng hợp với phần hình phạt của bản án số 25/2021/HSST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là 06 tháng tù. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án là ngày 03/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Ph mỗi bị cáo 20 (Hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 40 (bốn mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; giao bị

cáo Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V cho UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo S có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Gia đình bị cáo Ph, V có trách nhiệm phối hợp với UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Tr hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Đào Viết Ch 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021), quy đổi bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo. Còn L bị cáo phải chấp hành 23 (hai mươi ba) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021), quy đổi bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo. Còn L bị cáo phải chấp hành 19 (mười chín) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Tăng Văn Ph 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 17/6/2021 đến ngày 22/6/2021), quy đổi bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo. Còn L bị cáo phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo sinh sống, giám

sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định đối người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những N vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G, Hoàng Thị L mỗi bị cáo 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

[3]. Về hình phạt bổ sung:

- Phạt bổ sung các bị cáo Đào Việt Ch, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn N, Tăng Văn Ph, Nguyễn Thị X mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Cao Mạnh H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V, Hoàng Thị L, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Phú.

[4]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu để nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 32.400.000đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước của Nguyễn Minh Ph 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX màu vàng đã qua sử dụng, có số IMEI: 353099103497405, của Hoàng Văn V 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 869868050916592; của Nguyễn Văn S 01 điện thoại NOKIA 1280 màu đen đã qua sử dụng có số seri 35875222352981; của Cao Mạnh H 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng có số seri 1: 35875222352981, số seri 2: 354986522446071.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 bát xứ màu trắng bên ngoài dán giấy màu nâu, 04 quân vị hình tròn một mặt màu đỏ, một mặt màu

trắng, 01 bảng vị, 01 bộ đột quân vị bằng gỗ; 01 tH nhựa màu trắng đỏ, 01 tấm bạt một mặt màu xanh, một mặt màu cam; 01 sim số điện thoại di động 0983263751 của Nguyễn Minh Ph, 01 sim số 0362453343 của Hoàng Văn V; 01 sim số 0962986731 của Nguyễn Văn S và 01 sim số 0984382567 của Cao Mạnh H (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

+ Truy thu để tịch thu số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Cao Mạnh H nộp vào ngân sách nhà nước.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo Cao Mạnh H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh Ph, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Phú, Đào Viết Ch, Tăng Văn Ph, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị X, Hoàng Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử Ph thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an H.Cẩm Khê;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- THA- HS;
- Các bị cáo;
- UBND xã Tạ Xá, xã V, xã T, xã H, xã S;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thảo